

TRIẾT LÝ ÔNG TÁO

GS.TS. KIỆU THU HOẠCH*

Ở Việt Nam, theo phong tục cổ truyền thì, từ ngày 23 tháng Chạp/tức ngày Tết Ông Công Ông Táo, đã coi như mở đầu cho lễ tết đón Xuân, đón năm mới. Bởi ngay từ chiều tối 23 làm lễ tiễn Ông Táo (Táo quân) lên châu trời, cho đến đêm 30 tháng Chạp làm lễ đón Ông Táo trở về, thì không khí chuẩn bị cho tết Nguyên Đán đã hết sức nhộn nhịp ở mọi vùng, mọi gia đình.

Vậy nguyên uỷ của tục lệ Tết Ông Táo, hoặc còn gọi là Tết Táo quân (Vua Bếp) như thế nào?

Theo Phan Kế Bính, trong *Việt Nam phong tục* (1915), thì sở dĩ có tục lệ này là do một truyện tích sau: Ngày xưa có hai vợ chồng nghèo phải bỏ nhau. Người vợ về sau lấy được người chồng giàu có. Một hôm cúng đốt mã ngoài sân, có một người vào ăn xin; người đàn bà trông thấy biết là người chồng cũ của mình, động lòng thương cảm, đem cơm gạo, tiền bạc ra cho. Người chồng sau biết chuyện, nghi cho vợ. Vợ xấu hổ đâm đầu vào đồng lửa mà chết. Người chồng cũ cảm tình ân nghĩa, cũng đâm đầu vào lửa chết theo. Người chồng sau thương vợ, cũng nhảy vào nốt. Thế là chết cháy cả ba. Thượng đế thương cho ba người cùng có nghĩa, mới phong cho làm Vua Bếp.

Vua Bếp có nhiệm vụ trông nom từng bếp

lửa của mỗi gia đình, và cứ đến cuối năm thì phải lên châu trời để tâu việc thiện ác của mỗi nhà. Vì thế, hàng năm cứ đến ngày 23 tháng Chạp làm lễ tiễn Ông Táo lên trời, người ta phải sắm hai mũ ông, một mũ bà, và một con cá chép để làm ngựa cho Táo quân cưỡi.

Đây là truyện kể dân gian truyền miệng, cho nên có một số dị bản, nội dung cơ bản là tương tự như nhau, song về chi tiết thì có khác ít nhiều. Truyện quen thuộc và có ý nghĩa hơn cả là bản tuyển của Nguyễn Đông Chi trong *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1957). Truyện mang tên "Thần Bếp", được kể rằng:

Xưa có hai vợ chồng Trọng Cao và Thị Nhi lấy nhau đã lâu mà không có con. Một hôm hai vợ chồng cãi nhau, chồng giở thói vũ phu đánh vợ. Người vợ liền bỏ nhà ra đi, sau đó kết duyên với một người khác tên là Phạm Lang. Về phần Trọng Cao, do hối hận cũng bỏ nhà đi tìm vợ. Nhưng tìm mãi không được, mà tiền ăn đường đã hết, đành phải ăn xin lần hồi. Một hôm, tình cờ Trọng Cao đến xin tại nhà Phạm Lang. Bấy giờ Thị Nhi nhận ra chồng cũ, nhân chồng mới đi vắng, bèn đưa Trọng Cao vào thết đãi. Rồi vì sợ anh chồng mới trở về bắt gặp, chị ta mới dắt Trọng Cao ra nằm ở một đồng rơm ngoài đồng. Nhưng nàng lại không ngờ rằng, đồng rơm ấy sau đó đã bị Phạm Lang đốt đi để lấy tro bón ruộng. Nàng khi thấy chồng cũ chết thì xiết bao thương cảm, tức thì cũng nhảy vào đồng lửa

Kiểu Thu Hoạch: *Triết lý Ông Táo*

đang cháy mà chết theo. Phạm Lang với người đầy đở lần lượt xông vào cứu cũng đều chết nốt. Ngọc Hoàng thương tình, phong cho cả ba vợ chồng làm Thần Bếp.

- Một bản kể ở vùng Hải Dương lại chép rằng, Ngọc Hoàng xét tình cảnh ba người đều đáng thương, cả ba đều có tình, có nghĩa; bèn phong cho Phạm Lang làm Thần Bếp, tức là Táo quân, Trọng Cao thì được phong làm Thần Đất, tức là Thổ công; còn Thị Nhi thì được phong làm Thần Đống, tức là Thổ kỳ - Rất có thể đây cũng là những tình tiết mà dân gian vẫn cùng một thời điểm cúng cả Ông Công lẫn Ông Táo, và gọi luôn tết Ông Táo là tết Ông Công - Ông Táo...

Đáng chú ý là nhà sưu tầm Folklore Nguyễn Đồng Chi trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (tập I, bản in lần thứ tư, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972) ghi nhận truyện "Thần Bếp" cũng còn được gọi là "Sự tích Ông Đầu Rau", hoặc "Sự tích Thần Bếp". Và giải thích: Ông

Đầu Rau tức ba hòn đất nung dùng để kê nồi lên mà nấu. Người miền Trung gọi là Ông Núc. Người miền Bắc thì gọi hòn ở giữa là Đầu Rau cái, hai hòn hai bên là Đầu Rau đực, và gọi chung cả ban hòn là Ông Đầu Rau...

- Về cái tên Ông Núc, tộc người Mường cũng có một truyện kể dân gian về "Sự tích ba hòn Núc" (truyện cổ Mường - Hà Sơn Bình, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Sơn Bình, 1987). Sự tích này tuy có khác về tình tiết với một số bản kể của người Việt, song nội dung thì cũng tương đồng, nghĩa là cả ba nhân vật, chồng cũ, chồng mới và vợ đều nhảy vào đồng lửa mà chết. Khi mọi người tới nơi thì thấy trong đồng lửa có ba cái chụm vào nhau. Từ đó, người ta phỏng theo lấy đá làm ba hòn Núc/Núc mà kê để bắc nồi nấu nướng. Tương truyền làm như thế để tránh hoả hoạn. Tết đến, mọi người dọn cỗ cúng cả ba người tại bếp, và gọi đó là cỗ cúng Vua Bếp... Truyền thuyết ba hòn Núc đã thấm sâu trong tâm thức dân gian Mường, do vậy, dù sau



Gia đình Táo (đất nung) - Ảnh: T.L

này đã có kiềng sắt, thì người Mường vẫn cứ để một hòn đá bên cạnh chân kiềng như là biểu tượng để ghi nhớ Ông Núc. Có ý kiến cho rằng, người Khơ Mú (Tây Bắc), đầu rau bếp được gọi là Tạ Gia - nghĩa là ông bà, tổ tiên; như vậy ba hòn đá, ba hòn Núc cũng chính là biểu tượng của tổ tiên. Và hiện vật khảo cổ của văn hoá Hoà Bình trước đây một vạn năm là ba tảng đá cuội làm ba đầu rau đã cho thấy từ tục thờ đá/thờ tổ tiên đã chuyển hoá thành tục thờ Ông Táo. (Trần Quốc Vương - Vũ Tuấn Sán: *Hà Nội nghìn xưa*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1975, tr.261 - 262).

Về tục tết Ông Táo, người Trung Quốc cũng giống người Việt, khi làm lễ tiễn Ông Táo vào ngày 23, hoặc 24 tháng Chạp, thì cũng có nghĩa là đã bắt đầu bước vào thời gian đón xuân, đón năm mới.

Đó là nét tương đồng, tuy nhiên, phong tục này ở Trung Quốc cũng có những khác biệt với Việt Nam về các mặt: Sự tích Ông Táo, nghi thức tế lễ, kiềng kỵ tục hèm v.v...

Trước hết, phải nói ngay rằng, truyện tích về Ông Táo của Trung Quốc không phong phú mà cũng không lý thú bằng truyện dân gian Việt Nam. Mặc dù nhiều cổ thư Trung Quốc như các sách *Quốc ngữ*, *Trang Tử*, *Dậu Dương tạp trở*, *Lễ ký*, *Kinh Sở tuế thời ký*... đều có ghi chép về lai lịch Ông Táo, nhưng hầu như không có cốt truyện. Chẳng hạn, như sách *Lễ ký* thì ghi, Chuyên Húc Thị có con là Chúc Dung, được tôn thờ là Táo Thần (Thần Bếp); hoặc sách *Hoài Nam tử* thì ghi, Táo Thần là Viêm Đế, chết được phong làm Táo Thần; hay như sách *Quốc ngữ* thì ghi, tương truyền Thần Bếp có tên là Cung Thiên, vốn là con trai của Thiên đế Chuyên Húc thời cổ đại, là viên quan coi giữ lửa, do tận tụy với chức vụ, nên được mang tên hoá thần Chúc Dung như một sự khen thưởng...

Đó là lai lịch của Thần Bếp Trung Hoa trong một số thư tịch cổ. Nói chung là khá mơ hồ. Đến thời Hán thì lại "Nổ" ra cuộc tranh cãi hết sức thú vị về tính biệt của Thần Bếp - Thần là Nam hay là nữ. Sách *Thái Bình ngự lãm* dẫn lời Trịnh Huyền cho rằng "Thần Bếp Chúc Dung là một bà già". Nhưng Hứa Thận thì lại cãi: Thần Bếp không phải là bà già, mà ông ta họ Tô, tên Cát Lợi - vợ ông ta họ Vương tên Bác Hiệp... Về sau này, Thần Bếp mới biến chuyển dần thành thần đàn ông. Các sách từ đời Hán trở đi đều

ghi chép về chức trách của Táo thần, coi Táo thần là vị thần do Thiên Đế phái xuống hạ giới để coi sóc việc thiện ác ở trần gian. Theo sách *Hán thư*, vào đời Hán Tuyên Đế, có người tên là Âm Tử Phương, nhân việc tế lễ Ông Táo vào dịp tháng Chạp mà bỗng trở nên "cự phú". Tự đó về sau, Thần Bếp không chỉ coi sóc việc bếp núc, mà còn kiêm cả chức năng ban phát sự giàu có cho mọi người. Nhưng Ông Táo cũng có chức năng trách phạt kẻ có tội. Sách *Bảo phác tử* của Cát Hồng chép rằng: Đêm cuối tháng, Thần Bếp thường bay lên trời để tố cáo tội trạng của con người. Kẻ phạm tội nặng thì phải giảm Kỵ, Kỵ là 300 ngày. Kẻ phạm tội nhẹ thì phải giảm Toán, toán tức là 100 ngày. Đoàn Thành Thức đời Đường, trong sách *Dậu Dương tạp trở*, ghi là, Thần Bếp chẳng những có vợ mà còn có sáu cô con gái, và cũng ghi việc vào ngày cuối tháng, Thần Bếp lên trời để tố cáo việc thiện ác của mọi người, ai tội lớn thì giảm thọ 300 ngày, ai tội nhỏ thì giảm 100 ngày... Sách đời Tống còn có những ghi chép nói rằng, thời cổ cũng có tục tế lễ Thần Bếp vào ngày hăm bốn tháng Chạp...

Nhân nói về sự chênh lệch thời gian tế lễ Thần Bếp, giới Folklore Trung Quốc cũng cho biết thêm rằng, việc tế lễ Táo Thần từ khoảng đời Đường về sau mới chuyển sang tháng Chạp, mùa Đông, còn trước đó, việc tế lễ Táo Thần được cử hành vào tháng thứ nhất (tháng Tư) của mùa hè. Việc tế lễ Táo Thần vào tháng Tư đầu mùa Hạ, rõ ràng là một nét khác biệt đáng chú ý. Còn về lễ vật trong nghi thức tế lễ, thì một nhà thơ lớn đời Tống là Phạm Thành Đại đã làm một bài thơ miêu tả rất đầy đủ, cụ thể các thức dân cúng Táo thần. Nội dung có thể diễn nghĩa văn xuôi như sau:

Ngày hai mươi bốn tháng Chạp

Táo thần đến kỳ lên trời

Ôi Táo thần, xin ngài hãy tạm dừng ngựa giơ xe mây!

Gia đình chúng tôi đã sắm sửa tiệc rượu rất long trọng

Nào thủ lợn hầm nhừ, nào đôi cá tươi ngon

Lại có cả bánh bao nhân đậu ngọt ngào

Chúng tôi đã đuổi lũ con gái tránh xa, chỉ cho lũ con trai hầu hạ ngài.

Lại xin đưa tiễn ngài thật là nhiều tiền.

Mong ngài dù có nghe thấy gia đình chúng tôi có điều gì ồn ào thì cũng như là không nghe

thấy.

Chẳng may có con mèo con chó nào trong nhà làm vấy bẩn thân vị của ngài, thì cũng mong ngài chờ bực bội.

Xin hầu ngài ăn no, uống say rồi chúng tôi lại đưa tiễn ngài lên trời.

Đầu ăn uống có vừa miệng hay không cũng xin ngài chờ lấy làm điều trách móc.

Kính mong ngài lên trời rồi trở về ban phát bôt cho gia đình chúng tôi một chút lợi lộc...

Bài thơ quả đã cho thấy sự cung kính rất mực của dân chúng đối với Táo thần. Cho đến hiện tại, người Trung Quốc vẫn còn giữ tục cúng món kẹo ngọt làm bằng mật cho Táo thần.

Tục truyền rằng, Ông Táo ăn món đó sẽ bị mật ngọt làm cho dính răng, dính miệng, do đó không thể trơn tru "nói dai, nói dài" mọi điều xấu ở cõi nhân gian trước thiên đình. Rõ ràng, đây cũng chỉ là một mẹo vặt của dân gian, và ngầm cho kỹ, thì đó cũng là một lối tư duy cổ xưa, vừa hồn nhiên vừa có chút khôi hài. Thực ra, thì Ông Táo tuy là một tôn thần, nhưng trong con mắt dân chúng Trung Hoa, địa vị của ông cũng không phải là cao. Chẳng hạn như ở vùng Tô Bắc - Giang Tô, nhiều gia đình sau khi đốt pháo trong đêm trừ tịch (đêm 30 tết) để đón Táo thần trở lại, đã xúm vào xé toạc miệng Táo Ông - Táo Bà trên bức tranh tết, dán ở đầu bếp. Họ bảo nhau, làm như vậy có hai cái lợi lớn: Một là vợ chồng Vua Bếp không thể ăn vụng các thức ngon trong nhà bếp. Hai là Vua Bếp không thể nói điều xấu của chủ nhà mỗi khi lên chầu trời, vì cái miệng của Ông đã bị xé rách rồi... Dân gian là thế! Đối với Vua Bếp, họ vừa kính sợ mà lại vừa tìm cách để khống chế. Các sách cổ đều ghi chép, Vua Bếp tháng nào cũng lên Thiên Đình vào cuối tháng để cáo giác điều thiện ác của mỗi gia đình. Chỉ vào thời cận đại, dân gian mới truyền tụng là Vua Bếp mỗi năm chỉ lên trời một lần vào dịp cuối năm, để báo cáo tổng kết về những điều tốt, xấu của mỗi nhà trong năm đó. Bởi thế, dân chúng do sợ Vua Bếp nói những điều bất lợi cho gia đình mình với trời, nên đã phỏng theo thói tục ở chốn nhân gian, quen thói lộ đám quan lại, mà tìm cách hối lộ Vua Bếp bằng cách dâng cúng bánh mật, kẹo đường để mong bịt miệng Vua Bếp. Theo giới Folklore Trung Quốc, thì từ đời Tống đến nay, nghi thức tế lễ Vua Bếp hầu như

không có gì thay đổi. Đại khái các thức bày cúng trên mâm vẫn như nội dung bài thơ của Phạm Thành Đại đã phản ánh. Ngài ra, đêm tiễn Ông Táo lên trời, người ta thường đốt ít tiền giấy, rồi dán con ngựa giấy cho Ông Táo cưỡi lên trên vách bếp, lại bôi ít bỏng rượu lên cửa bếp, với ý là mong Ông Táo ăn uống no say, để khi lên trời nói toàn những "lời hay, ý tốt" cho gia chủ. Hiện tại, cũng có nơi, vào đêm 23, hoặc 24 tháng Chạp, người ta lại bôi một ít mật lên bức tranh Vua Bếp, cũng với dụng ý mong Vua Bếp khi tấu cáo với Thượng Đế thì nói toàn "những lời ngon, ý ngọt" cho gia chủ. Có nơi thì vào ngày tiễn Ông Táo, người ta lại lấy giấy phết hồ rồi dán vào miệng Ông Táo trên bức tranh, với ý muốn bịt miệng Ông Táo, để Ông khỏi nói lung tung về gia chủ trước mặt Thượng Đế. Có nơi, cả già làng còn viết cả câu đối để làm lễ tiễn Ông Táo, thường hay được viết rất đẹp và phổ biến nhất là câu: "Thượng thiên ngôn hảo sự/Hạ giới giáng cát tường" (Lên thiên đình nói việc tốt/xuống hạ giới ban điều lành)...

Tại Trung Quốc, các loại sách phong tục chí, địa phương chí đều có ghi chép khá đầy đủ, cụ thể về tập tục tế lễ Ông Táo của địa phương mình. Có thể kể một số ghi chép tiêu biểu dưới đây để tham chiếu phong tục này giữa các địa phương:

- Ở Bắc Kinh, tế lễ Ông Táo ngày 23 tháng Chạp, thời cổ dùng con dê sắc lông vàng, về sau trong triều đình còn dùng, song ngoài dân gian thì không dùng nữa. Lễ tế Ông Táo trong dân gian chủ yếu dùng các loại bánh mật, kẹo mật cùng nước lã và dây đậu tươi. Bánh kẹo bằng đường mật thì lễ Ông Táo, còn nước lã và dây đậu tươi thì dùng để cúng cho ngựa thần của Ông Táo. Cúng lễ xong, tranh vẽ Ông Táo được bóc xuống rồi đem đốt đi như tục thiêu hoá vàng mã.

- Ở vùng Thiên Tân xưa kia, khi tế lễ Ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp, thì cúng bánh mật, kẹo đường, dưa ngọt, quả hồ đào, cũng cúng cả cỏ và nước lã để làm thức ăn cho ngựa Ông Táo. Lúc bắt đầu hành lễ thì đốt lò cho lửa cháy thật to, rồi đặt bánh mật ở cửa lò. Tương truyền, khi Ông Táo chầu trời để báo cáo việc thiện ác ở cõi trần gian với Ngọc Đế, nếu đặt đường mật ở cửa lò/miệng lò, thì miệng Ông Táo bị dính, không nói năng lưu loát được. Cũng do vậy, khi đốt tranh Ông Táo, người ta

còn khẩn rằng: "Nói nhiều điều tốt, xin bớt nói điều xấu". Tế lễ xong, đem hoa quả bánh ngọt chia cho cả nhà cùng ăn.

- Tại Hà Bắc, các lễ vật làm lễ tiễn Ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp cũng tương tự các nơi khác, cũng bánh ngọt, dưa ngọt, củ ngựa, nước lã... Riêng có thêm tục lấy cọng rơm cây cao lương để tết/bện thành hình ngựa cho Ông Táo cưỡi. Khi cúng thì thiêu hoá cả ngựa lẫn tranh Ông Táo trong bếp lò, mọi người quỳ lạy đưa tiễn Ông Táo lên trời. Rồi cũng khẩn rằng: "Lời tốt nói nhiều, lời xấu ít nói". Và mọi người cũng lý giải việc cúng bánh mật, kẹo đường là để dính mép Ông Táo cho bớt nói "thao thao bất tuyệt" chuyện gia chủ trước mặt Ngọc Hoàng.

- Ở Liêu Ninh, mọi người không chỉ cúng Ông Táo, thường gọi Táo Quân (Vua Bếp), cũng gọi Táo Vương gia, còn cúng cả vợ Vua Bếp, gọi là Đức Bà Vua Bếp, đồng thời vẽ hai bức hình Táo Ông, Táo Bà treo ở bức tường bếp để thờ. Mọi nhà không chỉ tế lễ Vua Bếp vào dịp 23 tháng Chạp, mà còn thắp hương cúng bái tất cả các ngày rằm, mồng một trong năm. Họ cho rằng, Thần Bếp có thể đem hoạ phúc tới cho con người, do vậy, già trẻ lớn bé đều sùng bái, kính cẩn đối với Thần Bếp, đúng như câu nói xưa "Dữ kỳ mị ư Áo, ninh mị ư Táo" (Nếu chăm cúng thần Áo, thà chăm cúng thần Táo - Áo là vị trí thần thiêng ở góc Tây Nam nhà/đây nguyên là câu trong thiên *Bát dật*, sách *Luận ngữ*).

- Ở các vùng Sơn Tây, Thiểm Tây, ngoài các tục lệ như nhiều nơi khác về tục tế lễ Ông Táo, còn có một phong tục dân gian hết sức thú vị, đó là lệ "tháo khoán". Mọi người cho rằng, kể từ ngày vua Bếp lên châu trời là 23 tháng Chạp, trong vòng sau đó 7 ngày, các thần trong ngôi nhà/trong thế gian nói chung đều lên trời, do đó trần gian không có các thần cai quản, nên mọi người không phải kiêng kỵ gì hết. Các đám cưới cũng được tháo khoán, không cần xem ngày tốt, xấu, do đó coi như trai gái tự do kết hôn. Bởi vậy, trong thời gian "tháo khoán", đám cưới nhiều vô kể. Có câu "Thú giá bất trạch cát" (cưới gả không cần chọn ngày lành) là thế!

- Ở một số vùng dân tộc thiểu số Trung Quốc, phong tục ngày tế lễ Ông Táo 23 hoặc 24 tháng Chạp, nhìn chung là "đại đồng tiểu dị", nghĩa là cũng tương tự tục lệ của người Hán song cũng có những nét khác biệt nhỏ. Chẳng

hạn như ở người Mông Cổ, vào ngày này họ thường dùng phân trâu khô hoặc củi gỗ chất đống thật cao mà đốt cho khói lửa nghi ngút lên trời; bên cạnh thì bày đồ lễ là hoa quả, bơ, sữa dê, sườn dê, rượu... các dải lụa ngũ sắc. Người Nội Mông coi ngày này cũng là ngày Hoả thần về trời. Nghi thức tế lễ được cử hành sau lúc mặt trời lặn xuống núi. Trai gái đều tham dự, nhưng chủ tế là phụ nữ, quỳ trước đống lửa mà khẩn vái, sau lời khẩn của chủ tế, tất cả mọi người đều rạp đầu vái lạy theo. Trong ba ngày, kể từ ngày bắt đầu tế lửa, cấm không được dùng que sắt hay que gỗ để gạt lửa, cời than, cấm quét dọn lều Mông Cổ.

Nhiều tộc người thiểu số có tập quán đồng nhất ngày tế lễ Hoả thần với ngày tế lễ Ông Táo ngày 23 tháng Chạp. Ngày lễ Hoả thần ở người Mãn được cử hành rất long trọng. Họ đốt đống lửa ở sân rộng, lửa sáng cả một vùng trời; mọi người quăng vào đống lửa nào muối, nào các món ăn, nào rượu... để cúng Hoả thần. Theo quan niệm của họ, Hoả thần sẽ giúp họ trừ bỏ tà khí, làm thanh khiết nhà cửa, đem đến cho họ cả một năm tốt lành. Các phụ nữ chủ tế còn lấy than ở đống lửa đem về ủ trong chậu, hằng ngày tiếp thêm than lửa để nuôi giữ cho lửa âm ỉ suốt cả năm, gọi đó là "lửa sáng vĩnh cửu".

- Một số tộc người ở vùng Vân Nam cũng có lệ tế Hoả thần vào ngày 24 tháng Chạp. Người phụ nữ chủ tế thường ném dầu mỡ, muối, trà, vải cùng một ít bạc trắng vào bếp lò để tế Hoả thần, cầu xin Hoả thần phù hộ cho gia đình cả năm được thịnh vượng.

Chúng tôi đã tổng thuật về nghi thức tế lễ Ông Táo qua một số vùng/miền tiêu biểu ở Trung Quốc. Qua đó, ta thấy người Trung Hoa hết sức sùng kính Vua Bếp. Và, do sùng kính Vua Bếp mà dân gian đã nảy sinh những kiêng kỵ có liên quan đến nơi cư ngụ của Vua Bếp - đó là cái bếp lò. Chẳng hạn như kiêng nhổ đờm rãi hoặc vút các thức rác bẩn vào bếp, kiêng dùng đồ bằng sắt để gạt lửa trong lò, không hắt nước để dập tắt lửa trong bếp lò, không được bước qua bếp lò, không được để bít tất hoặc quần áo lên trên bếp lò...

Đặc biệt, ở các vùng tộc người thiểu số, việc kiêng kỵ có liên quan đến Vua Bếp được bảo lưu khá dai dẳng.

Chúng ta đã xem xét lễ tục về tết Ông Táo

của Trung Quốc cũng như của Việt Nam. Qua đó có thể thấy cội nguồn của tục lệ này đều có nét tương đồng là đều bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ lửa, sùng bái lửa. Tuy nhiên, do môi trường sinh thái - văn hoá cũng như hoàn cảnh địa - lịch sử khác nhau, mà diễn biến của phong tục giữa hai phía cũng có những khác biệt nhất định.

Qua tư liệu khảo cổ, chúng ta được biết, trước đây một vạn năm, chủ nhân văn hoá Hoà Bình từng dùng ba đầu rau bằng ba hòn đá cuội để nấu bếp. Và người Việt cổ, người Mường đều gọi các hòn đá đó là Ông Núc; từ đó mà ngôn ngữ hiện nay còn có từ bếp núc. Riêng với người Mường, thì ngay cả khi đã có kiềng bằng sắt, họ vẫn cứ để một hòn cuội Núc bên cạnh như là một biểu tượng cổ xưa thiêng liêng. Đồng thời cũng do ta có ba hòn Núc/ba ông Đầu rau, mà truyền thuyết Vua Bếp của ta là kể về hai ông một bà. Trong khi đó, người Trung Quốc do từ xa xưa đã quen dùng bếp lò, hoả lò, nên truyền thuyết về Vua Bếp của họ chỉ kể về hai vợ chồng, tranh vẽ Ông Táo - Bà Táo để thờ cũng chỉ có hai người. Xét nội dung, truyện dân gian của ta nhiều tình tiết kỳ thú, sinh động, đậm đà chất nhân văn hơn, và cũng đời thường hơn. Điều thú vị là các bản kể của ta, dù có ít nhiều dị biệt, thì vẫn có một nét chung, đó là cả ba nhân vật đều nhảy vào lửa mà chết. Hiện tượng cả ba người/ba vợ chồng đều nhảy vào lửa, xét cho cùng chính là sự ảnh xạ, là hồi quang của nghi lễ thanh khiết cổ đại. Lửa sẽ xoá đi mọi lỗi lầm. Lửa sẽ tẩy sạch mọi ố tạp. Sau này, trong các đám cưới, lửa cũng như tro bếp, than bếp đều được dùng như một linh vật để làm thanh sạch mọi cái ố tạp, tà khí. Bởi vậy, cô dâu khi về nhà chồng phải vén váy bước qua chậu than lửa, chú rể khi đến nhà gái được rắc tro bếp lên đầu tóc; và khi đưa trẻ con từ nhà xuất ngoại đi xa, phải bôi tí than tro lên

Kiểu Thu Hoạch: *Triết lý Ông Táo*

trán để trừ vía xấu.

Vài ghi nhận tổng quát

Mặc dầu tục thờ Ông Táo ở Trung Quốc được ghi chép khá sớm trong các thư tịch cổ, song qua ghi nhận thực tế từ nguồn tư liệu khảo cổ với truyền thuyết dân gian cùng tín ngưỡng dân gian, thì dấu vết về Ông Núc, về truyện *Hai ông một bà...* đã cho thấy, cái cơ tầng văn hoá nảy sinh tục thờ Ông Táo của người Việt cũng đã có từ rất lâu đời. Chí ít là từ thời đá mới (âge néolithique), từ thời thị tộc mẫu hệ với chế độ mẫu quyền (matriacat) tức là vào thời kỳ mà người phụ nữ có thể lấy nhiều chồng (Ăng Ghen: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, bản dịch, Sự thật, H.1961). Truyện tích Ông Đầu Rau mà các dị bản đều có chi tiết cơ bản/chung là cả ba nhân vật đều nhảy vào lửa, cho thấy sự nhấn mạnh sự linh thiêng của lửa, đồng thời cũng phản ánh vai trò của lửa trong đời sống con người (Ăng Ghen, Sđd).

Đương nhiên, theo chúng tôi, với cái tên Ông Táo (nghĩa là bếp), Táo Quân... lại cho thấy đó là lớp văn hoá muôn của phương Bắc đã xâm nhập vào văn hoá Việt, văn hoá phương Nam, vốn chỉ gọi là Ông Núc, Ông Đầu Rau./

K.T.H

Tài liệu tham khảo chủ yếu

- 1- *Trung Quốc thần thoại truyền thuyết từ điển*, 1985.
- 2- *Hoa Hạ dân tộc bác lãm*, 1991.
- 3- *Trung Quốc dân gian tín ngưỡng phong tục từ điển*, 1992.
- 4- *Viễn cổ chi thần*, 1994.
- 5- *Trung Quốc tự nhiên thần dữ tự nhiên sùng bái*, 1995.
- 6- *Trung Quốc văn hoá*, 2007.

THE PHILOSOPHY BEHIND ÔNG TÁO (GOD OF THE KITCHEN) (PROF. DR. KIỀU THU HOẠCH)

From folktales of Táo quân, in reference of Mường Ethnic and Chinese cultures, the author provides interpretation of God of the Kitchen in relationship to folk customs and beliefs that derived from primitive age, and from worshipping the fire, etc. in the exchanges of cultures.